

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ
CÔNG CỘNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

Số: 756/ ĐHYTCC
V/v tuyển sinh các chương trình
đào tạo sau đại học đợt 2 năm 2026

- Kính gửi:**
- Các Đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
 - Các Bệnh viện trung ương;
 - Các Sở Y tế;
 - Các Bệnh viện đa khoa tỉnh;
 - Các Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh/thành phố;
 - Các Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm;
 - Các Trường Cao đẳng, Đại học Y - Dược;
 - Các Viện Nghiên cứu Y học;
 - Các Trung tâm y tế các ngành;
 - Các Tổ chức, đơn vị làm công tác quản lý, nghiên cứu và chăm sóc sức khoẻ.

Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh và Đào tạo năm học 2026, Trường Đại học Y tế công cộng thông báo tuyển sinh các chương trình đào tạo sau đại học đợt 2 như sau:

1. Tiến sĩ Y tế công cộng;
2. Tiến sĩ Quản lý bệnh viện;
3. Chuyên khoa II Tổ chức quản lý y tế
4. Chuyên khoa I Y tế công cộng
5. Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm Y học;
6. Thạc sĩ Công tác xã hội;

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

1. Tiến sĩ Y tế công cộng và Tiến sĩ Quản lý bệnh viện

1.1 Ngành tuyển sinh:

- Tiến sĩ Y tế công cộng
- Tiến sĩ Quản lý bệnh viện

1.2. Điều kiện về văn bằng

- Đối với Tiến sĩ Y tế công cộng:

+ + Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc thạc sĩ ngành phù hợp: Y tế công cộng.

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc thạc sĩ các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở các ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ (trừ ngành Y tế công cộng): phải có chứng chỉ chương trình Bổ sung kiến thức chuyên ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Đối với Tiến sĩ Quản lý bệnh viện:

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng thạc sĩ ngành phù hợp: Quản lý/Quản trị bệnh viện, Quản lý Y tế, Tổ chức và quản lý Y tế.

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc thạc sĩ các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ ngành Quản lý/Quản trị bệnh viện, Quản lý Y tế, Tổ chức và quản lý Y tế) hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở các ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù (trừ ngành Quản lý/Quản trị bệnh viện, Quản lý Y tế, Tổ chức và quản lý Y tế) theo quy định của Chính phủ phải có chứng chỉ chương trình Bổ sung kiến thức chuyên ngành quản lý y tế do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.3. Điều kiện về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học

Thí sinh phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu, hoặc
- Có bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành (đối với bài báo trong nước, cần nằm trong danh mục tạp chí do Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận tính tại thời điểm công bố) hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành, hoặc
- Có thời gian công tác từ 24 tháng trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

1.4. Có đề cương nghiên cứu theo mẫu của Trường Đại học Y tế công cộng

(xem chi tiết trên website của Trường tại đường link: <https://dtdh.huph.edu.vn/vi/node/64260>)

- Đối với ngành Y tế công cộng: chủ đề nghiên cứu tập trung vào các vấn đề y tế công cộng, y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, chăm sóc sức khỏe cho người dân (ví dụ dịch tễ học, sức khỏe môi trường - nghề nghiệp, kinh tế y tế, quản lý và chính sách y tế, ... áp dụng trong chăm sóc sức khỏe cụ thể).
- Đối với ngành Quản lý bệnh viện: chủ đề nghiên cứu tập trung vào lĩnh vực quản lý bệnh viện, hoặc quản lý cơ sở chăm sóc sức khỏe như quản lý chất lượng, quản lý nhân lực, quản lý tài chính, quản lý trang thiết bị, quản lý cơ sở hạ tầng bệnh viện,...

1.5. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ:

- **Người dự tuyển là công dân Việt Nam** phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- a. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
- b. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- c. Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo qui định tại điểm c: hình thức đánh giá thông qua phỏng vấn ngắn tiếng Anh tại Hội đồng xét tuyển đầu vào để đánh giá khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

- **Người dự tuyển là công dân nước ngoài** phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài còn hạn theo qui định và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định của Trường Đại học Y tế công cộng áp dụng cho người dự tuyển là công dân Việt Nam nêu trên.

1.6. Về thâm niên công tác: đối với cả hai ngành Y tế công cộng và Quản lý bệnh viện, người dự tuyển có thâm niên công tác tối thiểu 1 năm kinh nghiệm (tính đến ngày đăng ký dự tuyển) có liên quan đến lĩnh vực chăm sóc và nâng cao sức khỏe là một lợi thế trong quá trình xét tuyển. Đối với thí sinh xét tuyển Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản lý liên quan đến chăm sóc sức khỏe sẽ là lợi thế trong quá trình xét duyệt.

1.7 Chỉ tiêu tuyển sinh

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026 đợt 2 đối với từng ngành:

- Tiến sĩ Y tế công cộng: 04 chỉ tiêu
- Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: 07 chỉ tiêu

2. Chuyên khoa cấp II Tổ chức Quản lý Y tế:

2.1. Điều kiện về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp CKI hoặc Bác sĩ nội trú hoặc Thạc sĩ các ngành tương ứng bao gồm: Tổ chức quản lý Y tế, Quản lý bệnh viện, Y tế công cộng.

- Những thí sinh có bằng CKI hoặc Bác sĩ nội trú hoặc Thạc sĩ gồm các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe (trừ nhóm ngành Dược học) quy định trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) (trừ 3 ngành tương ứng) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, phải có chứng chỉ lớp Bổ sung kiến thức chuyên ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày đăng ký dự thi tuyển sinh và phải có xác nhận bằng văn bản của Thủ trưởng đơn vị về việc thí sinh đang làm lãnh đạo hoặc đã được quy hoạch lãnh đạo cấp Khoa/Phòng/ Bộ môn trở lên.

2.2. Điều kiện sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu.

2.3. Điều kiện miễn thi môn Tiếng Anh

- Thí sinh đạt trình độ tương đương từ bậc 3 trở lên của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành Tiếng Anh hoặc ngôn ngữ Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ sau đại học mà chương trình được thực hiện bằng tiếng Anh.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu dự kiến đợt 2 năm 2026: 28 chỉ tiêu.

3. Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng:

3.1. Điều kiện về văn bằng

- Về văn bằng:
 - + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Y tế công cộng.

+ Thí sinh có bằng đại học thuộc các ngành khác trong Danh mục ngành phù hợp: gồm các ngành được quy định trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phải có chứng chỉ Bổ sung kiến thức chuyên ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày đăng ký dự thi tuyển sinh.

3.2. Về kinh nghiệm thâm niên công tác: Có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực y tế tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3.3. Điều kiện sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu dự kiến đợt 2 năm 2026: 08 chỉ tiêu

4. Thạc sĩ

4.1. Ngành tuyển sinh:

- Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm y học
- Thạc sĩ Công tác xã hội

4.2. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

a. Thí sinh cần đáp ứng các điều kiện về văn bằng sau:

- **Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm Y học** (Chương trình đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo năm 2024)

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học; hoặc
- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành: *Sinh học, Công nghệ sinh học, Hóa học, Công nghệ hóa học, Dược* và những ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe (trừ ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học) và đã học bổ sung kiến thức chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- **Thạc sĩ Công tác xã hội**

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Công tác xã hội;
- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

tạo (trừ ngành Công tác xã hội) đã học bổ sung kiến thức chuyên ngành Công tác xã hội do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- *Lưu ý: Thí sinh dự kiến theo học định hướng nghiên cứu của 2 NGÀNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NÓI TRÊN (sẽ đăng ký sau khi trúng tuyển) cần tốt nghiệp đại học loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Chi tiết về Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và ứng dụng tham khảo tại đường link: <https://huph.edu.vn/sites/qldt/c/dao-cao-thac-si>.*

b) Có đủ sức khỏe để học tập

c) Đối với ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên)

d) Điều kiện miễn thi tiếng Anh

Thí sinh được miễn thi môn tiếng Anh nếu có các văn bằng, chứng chỉ sau:

- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng tiếng Anh;
- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Y tế công cộng cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu tiếng Anh đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- + Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển như sau:

4.3 Chỉ tiêu tuyển sinh

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026 đợt 2 đối với từng ngành:

- Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm Y học: 42 chỉ tiêu.
- Thạc sĩ Công tác xã hội: 10 chỉ tiêu

II. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO CHUẨN

1. Tiến sĩ Y tế công cộng: từ 3 - 4 năm.
2. Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: từ 3 - 4 năm.
3. Chuyên Khoa II Tổ chức quản lý y tế: 2 năm
4. Chuyên khoa I Y tế công cộng: 2 năm
5. Thạc sĩ Xét nghiệm kỹ thuật Y học: 18 tháng.
6. Thạc sĩ Công tác xã hội: 18 tháng

III. THỦ TỤC TUYỂN SINH

1. Các môn thi tuyển và kinh phí thi tuyển

1.1. Các môn thi

- 1.1.1. Đối với thí sinh dự thi Tiến sĩ: theo hình thức xét tuyển

- Xét duyệt hồ sơ về các điều kiện văn bằng, nghiên cứu khoa học và điều kiện ngoại ngữ theo quy định
- Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu trước hội đồng xét tuyển và kiểm tra năng lực tiếng anh (nếu có).

1.1.2. Đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, CKI và CKII

Tên ngành	Môn 1 (120 phút)	Môn 2 (120 phút)
Thạc sĩ Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Vi sinh – Hóa sinh – Huyết học	Tiếng Anh (trình độ B1): Thời gian thi: 120 phút, nội dung thi: 2 kỹ năng: đọc và viết
Thạc sĩ Công tác xã hội	Các phương pháp can thiệp của công tác xã hội	
CKII Tổ chức Quản lý Y tế	Tổ chức và quản lý y tế	
CKI Y tế công cộng	Tổ chức quản lý y tế	

1.2. Thời gian ôn tập

Dự kiến từ 23/10/2026 đến 08/11/2026 (thí sinh có thể theo dõi Thông báo khai giảng lớp ôn thi trên website tuyển sinh của Trường Đại học Y tế công cộng: <http://tuyensinh.huph.edu.vn>)

1.3. Kinh phí ôn tập và thi tuyển tại Trường Đại học Y tế công cộng:

* Đối với thí sinh thi tuyển trình độ Thạc sĩ:

- Kinh phí đăng ký dự thi: 60.000đ/1 thí sinh.
- Kinh phí hồ sơ: 60.000đ/1 hồ sơ
- Kinh phí thi tuyển: 120.000đ/môn.
- Học phí ôn tập:

STT	Môn học	Học phí trong giờ/môn	Học phí ngoài giờ/môn
1	Toán thống kê	1.200.000 đ	1.800.000 đ
2	Tiếng Anh	1.200.000 đ	1.800.000 đ
3	Tổ chức quản lý y tế (CKI, CKII)	1.200.000 đ	1.800.000 đ
4	Vi sinh - Hóa sinh - Huyết học	1.400.000 đ	2.100.000 đ
5	Các phương pháp can thiệp của Công tác xã hội	1.200.000 đ	1.800.000 đ

* Đối với thí sinh thi tuyển trình độ Tiến sĩ:

- Kinh phí hồ sơ: 100.000đ/1 hồ sơ.
- Kinh phí đăng ký xét tuyển hồ sơ: 200.000đ/1 thí sinh
- Kinh phí Hội đồng xét tuyển: 5.000.000đ/thí sinh

Ghi chú: Học phí ôn thi (nếu thí sinh có đăng ký ôn thi) và lệ phí thi được nộp trước khi nộp hồ sơ tại phòng Tài chính – Kế toán (phòng A206 – tầng 2 nhà A) hoặc chuyển khoản theo thông tin:

Tên tài khoản: Trường Đại học Y tế công cộng

Số tài khoản: 1260165552 Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Ba Đình

Nội dung nộp tiền: Họ và tên, Ngày tháng năm sinh, kinh phí thi tuyển sinh ngành....môn... (Ví dụ: Nguyễn Văn A, 12/01/1985, thi tuyển sinh Ths YTCC_tên môn)

1.4. Mức học phí dự kiến năm học 2026-2027 tại Trường Đại học Y tế công cộng:

Mức học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, cụ thể như sau:

STT	Hệ đào tạo	Học phí theo niên chế khóa nhập học 2026-2027 (đồng/năm)
1	Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm y học	57.855.000
2	Thạc sĩ Công tác xã hội	31.515.000
3	Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng	36.708.000
4	Chuyên khoa cấp II Tổ chức Quản lý Y tế	52.003.000
5	Tiến sĩ	64.239.000

1.5. Thời gian và địa điểm thi tuyển/ xét tuyển

- Thời gian thi tuyển Thạc sĩ: **Dự kiến đợt 2 từ ngày 13-15/11/2026**. Kết quả trúng tuyển dự kiến sẽ công bố trong vòng 3 tuần kể từ ngày thi tuyển.
- Thời gian xét tuyển Tiến sĩ: **Dự kiến đợt 2 ngày 16-19/11/2026**. Kết quả trúng tuyển dự kiến sẽ công bố trong vòng 03 tuần kể từ ngày xét tuyển.
- Địa điểm thi/xét tuyển: Trường Đại học Y tế công cộng – Số 1A Đức Thắng, phường Đông Ngạc, Hà Nội.

1.6. Điều kiện trúng tuyển

1.6.1. Điều kiện trúng tuyển với đối tượng dự thi tiến sĩ

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt các yêu cầu về hồ sơ, các tiêu chí dự tuyển và đạt tối thiểu 5 điểm tại hội đồng xét tuyển đề cương đầu vào. Căn cứ chỉ tiêu sẵn có đã được thông báo, điểm xét tuyển của từng thí sinh, hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển cho từng ngành theo nguyên tắc lấy điểm từ trên cao cho đến khi hết chỉ tiêu.
- Trường hợp thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:
 - ✓ Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;
 - ✓ Thí sinh có thâm niên công tác nhiều hơn liên quan đến lĩnh vực chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Đối với thí sinh xét tuyển Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: Thí sinh

có kinh nghiệm làm việc nhiều hơn trong lĩnh vực quản lý liên quan đến chăm sóc sức khỏe;

- ✓ Thí sinh có nhiều hơn số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí thuộc danh mục tạp chí do Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận tính tại thời điểm công bố

1.6.2. Điều kiện trúng tuyển với đối tượng dự thi Thạc sĩ

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 50% của thang điểm mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có)
- Điểm xét tuyển là điểm môn chuyên ngành cộng điểm ưu tiên (nếu có), điểm môn tiếng Anh cộng điểm ưu tiên (nếu có) là môn điều kiện. Căn cứ chỉ tiêu sẵn có đã được thông báo, điểm xét tuyển và điểm điều kiện của từng thí sinh, hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển cho từng ngành theo nguyên tắc lấy điểm từ trên cao cho đến khi hết chỉ tiêu.
- Trường hợp thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:
 - ✓ Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;
 - ✓ Người được miễn thi Tiếng Anh;
 - ✓ Người có điểm cao hơn của môn Tiếng Anh;
 - Các trường hợp phát sinh khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2. Hồ sơ tuyển sinh:

- Hồ sơ đăng ký dự tuyển đựng trong phong bì hồ sơ A4
- Bìa hồ sơ (Mẫu số 01)
- Các giấy tờ trong túi hồ sơ đầy đủ, xếp theo thứ tự được liệt kê ở bìa túi hồ sơ:
 1. Phiếu đăng ký dự thi sau đại học (Mẫu số 02 đối với dự thi Thạc sĩ; Mẫu số 03 đối với dự thi Tiến sĩ).
 - Thí sinh nộp 01 bộ hồ sơ bằng bản giấy theo mục hồ sơ tuyển sinh về Trường Đại học Y tế công cộng đúng hạn.
 2. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và đóng dấu giáp lai (thời gian không quá 6 tháng tính đến thời điểm dự thi) (Mẫu số 4 - đối với đối tượng dự thi Thạc sĩ, tiến sĩ).
 3. Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ sau:
 - a. Bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học.
 - b. Bằng tốt nghiệp thạc sĩ, bằng điểm thạc sĩ.
 - c. Chứng minh thư nhân dân/ căn cước công dân.
 - d. Các văn bằng tiếng Anh theo qui định (để làm căn cứ xét miễn thi).
 - e. Các chứng chỉ bổ sung các môn học theo quy định (nếu thuộc diện phải bổ túc kiến thức chuyên ngành).
 4. Đối với thí sinh dự thi CKI YTCC và CKII TCQLYT là công chức, viên chức, hồ sơ cần có Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có) hoặc đơn cam kết học tự nguyện của thí sinh. Đối với trường hợp thí sinh công tác trong các đơn vị an ninh, quốc phòng, hồ sơ bắt buộc cần có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp.
 5. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập, công tác của một bệnh viện đa khoa trong vòng 6 tháng trở lại.

6. Văn bản có giá trị pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu thuộc diện ưu tiên).
7. Bản cam đoan tính hợp lệ của văn bằng, chứng chỉ đã nộp (*Mẫu số 5*)
8. 04 ảnh chụp trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển, cỡ 3x4 cm của thí sinh (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm sinh ở mặt sau của ảnh).

Đối với thí sinh dự tuyển tiến sĩ, hồ sơ bao gồm như mục 2 và bổ sung thêm các mục sau:

9. Lý lịch khoa học có dán ảnh và đóng dấu giáp lai (thời gian không quá 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng kí xét tuyển) (*Mẫu số 06*).
10. Minh chứng thâm niên công tác và kinh nghiệm quản lý (nếu có) (do cơ quan quản lý trực tiếp xác nhận) .
11. 05 Quyền Đề cương nghiên cứu (xem chi tiết trên website của Trường tại đường link: <https://huph.edu.vn/sites/qldt/bieu-mau-danh-cho-dao-tao-nghien-cuu-sinh>)
12. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.
13. Minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: Bản kê các danh mục công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố trên các tạp chí khoa học kèm theo bản photocopy các công trình đó.
14. Công văn của đơn vị cử tham gia dự thi Nghiên cứu sinh.

Lưu ý:

1. Văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ có liên quan đến việc xác định điều kiện dự thi, miễn thi hoặc các quyền lợi khác của thí sinh phải được nộp đầy đủ trong thời hạn tiếp nhận hồ sơ theo quy định của Thông báo tuyển sinh. Sau thời hạn tiếp nhận hồ sơ, việc bổ sung văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ có liên quan không làm thay đổi tình trạng hồ sơ, kết quả xét điều kiện dự tuyển, kết quả miễn thi hoặc các quyền lợi khác của thí sinh đã được xác định tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ.
2. Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được **nộp kèm theo văn bản công nhận (có tính pháp lý)** của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục, Bộ GD&ĐT.
3. Các văn bằng, chứng chỉ sẽ được Trường Đại học Y tế công cộng gửi cho các cơ sở cấp văn bằng, chứng chỉ để thẩm định tính xác thực của văn bằng, chứng chỉ trong quá trình tuyển sinh, đào tạo và xét tốt nghiệp tại Trường. Thí sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của các văn bằng, chứng chỉ đã nộp.
4. Các đối tượng sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp trong các kỳ thi tuyển sinh, đào tạo, xét tốt nghiệp tại Trường Đại học Y tế công cộng sẽ không được tham dự kỳ thi tuyển sinh vào Trường ĐHYTCC tại thời điểm năm phát hiện vi

phạm và 2 năm tiếp theo. Hồ sơ tuyển sinh và nhập học thí sinh đã nộp cho Trường sẽ không được trả lại.

5. Thí sinh tự túc chỗ ở trong thời gian ôn thi và dự thi tại trường.

IV. THỜI HẠN VÀ ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ:

1. Thời hạn nộp hồ sơ: 8h00-16h30 từ ngày 10/08/2026 đến ngày 25/09/2026 (trừ Thứ 7, Chủ Nhật và các ngày Lễ, Tết nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại trường).

2. Cách thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Trường Đại học Y tế công cộng hoặc qua đường bưu điện (thời gian nộp hồ sơ được tính theo dấu bưu điện).

3. Địa điểm nhận hồ sơ

Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng A114 - Tầng 1- Nhà A- Trường Đại học Y tế công cộng, Số 1A Đức Thắng, phường Đông Ngạc, Hà Nội.

Điện thoại: 024. 6266 2335; Fax: 024. 6266 2385

Email: dtsdh@huph.edu.vn; Website: <https://tuyensinh.huph.edu.vn/>

Kính đề nghị Quý cơ quan thông báo nội dung tuyển sinh này tới các cơ sở trực thuộc, các cán bộ y tế có nguyện vọng dự tuyển các chương trình đào tạo sau đại học của Trường để thí sinh kịp thời đăng ký và hoàn tất thủ tục dự tuyển.

Thông tin chi tiết về tuyển sinh sau đại học đợt 2 và bổ sung kiến thức chuyên ngành của trường Đại học Y tế công cộng được đăng tải tại trang thông tin điện tử: <http://tuyensinh.huph.edu.vn> và bộ phận thường trực tư vấn tuyển sinh, cụ thể:

- Tư vấn trực tiếp tại phòng Quản lý Đào tạo, Phòng A114, Nhà A, Trường ĐHY tế công cộng, số 1A Đức Thắng, phường Đông Ngạc, Hà Nội;

- Tư vấn qua điện thoại và hòm thư điện tử: Điện thoại: 024.62662335, hòm thư điện tử: qltdt@huph.edu.vn

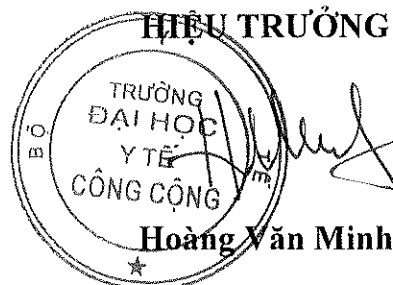
- Facebook fanpage: <https://www.facebook.com/truongdaihocytecongconghuph>

- Zalo: Trường Đại học Y tế công cộng.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hiệu trưởng (để B/c);
- Lưu : VT, QLĐT.



PHỤ LỤC I

**Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương
Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng**

trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL do Bộ GD và ĐT công nhận tại QĐ số 925/QĐ- BGD& ĐT ngày 31/03/2023	B1	B2
		Pearson English International Certificate (PEIC) do Bộ GD và ĐT công nhận tại QĐ số 93/QĐ- BGD& ĐT ngày 05/01/2024	B1	B2
		Pearson Test of English Academic (PTE Academic) do Bộ GD và ĐT công nhận tại QĐ số 93/QĐ- BGD& ĐT ngày 10/09/2024	B1	B2
		Versant English Placement Test (VEPT) do Bộ GD và ĐT công nhận tại QĐ số 58/QĐ- BGD& ĐT ngày 15/01/2026	B1	

		Oxford Test of English (OTE) do Bộ GD và ĐT công nhận tại QĐ số 1429/QĐ- BGD& ĐT ngày 29/05/2026	B1	B2
--	--	--	----	----

Lưu ý:

- *Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các Trường Đại học tại Việt Nam cấp phải nằm trong danh sách do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.*

PHỤ LỤC II

Danh sách một số chứng chỉ tiếng nước ngoài minh chứng cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển Tiến sĩ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL do Bộ GD và ĐT công nhận tại QĐ số 925/QĐ- BGD& ĐT ngày 31/03/2023	B2
		Pearson English International Certificate (PEIC) do Bộ GD và ĐT công nhận tại QĐ số 93/QĐ- BGD& ĐT ngày 05/01/2024	B2
		Pearson Test of English Academic (PTE Academic) do Bộ GD và ĐT công nhận tại QĐ số 93/QĐ- BGD& ĐT ngày 10/09/2024	B2
		Oxford Test of English (OTE) do Bộ GD và ĐT công nhận tại QĐ số 1429/QĐ- BGD& ĐT ngày 29/05/2026	B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên

5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Lưu ý:

- *Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các Trường Đại học tại Việt Nam cấp phải nằm trong danh sách do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.*